TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **27**/2025/HNGĐ - ST Ngày 08 - 9 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Mạnh Hùng

2. Bà Trịnh Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2025/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 017187016955; ngày cấp: 09/02/2022

ĐKHKTT: Thôn T, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Xóm N1, xã V, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Anh Mai Thế G, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038084010939; ngày cấp: 16/9/2021

ĐKHKTT: Thôn T, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2025, bản tự khai ngày 05/6/2025, ngày 24/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Mai Thế G xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh

Hòa Bình nay là UBND xã Q, tỉnh Hòa Bình vào ngày 04/7/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát nhau. Anh G thường xuyên rượu chè, cờ bạc, về nhà đập đồ đạc trong nhà, đánh chửi vợ con, không tu chí làm ăn nên cuộc sống của chị và các con vô cùng vất vả, khó khăn. Mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Mai Thế G vẫn không thay đổi. Đến ngày 12/11/2019 chị đã đem con về nhà ngoại sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình sống ly thân anh Mai Thế G vẫn tìm đến nhà ông bà ngoại có hành vi gây rối với bố mẹ chị. Anh G không đưa ra biện pháp gì để vợ chồng hòa giải quay về đoàn tụ với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Thến G.

- Về con chung: Chị và anh Mai Thế G có 2 con chung là Mai Đức V, sinh ngày 10/4/2007 và Mai Đức Q, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay cháu Mai Đức V đã thành niên và phát triển bình thường nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Mai Đức Q đầu tháng 6 năm 2025 anh G đã đón về ở anh G và bà nội tại thôn T, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chị làm công nhân ở tỉnh Hà Nam nên không có điều kiện để chăm sóc con, anh G cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu Q nên chị thay đổi nguyện vọng nuôi con, chị giao con cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Mai Thế G:*

Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Mai Thế G. Nhưng trong thời hạn quy định anh G không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh bà Cao Thị Diễn - mẹ đẻ của anh Mai Thế G trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Thế G và chị Bùi Thị N có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2007 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Hòa Bình nay là UBND xã Q, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do anh G hay uống rượu về cãi nhau với chị N. Hiện nay anh G đang làm lao động tự do ở gần nhà, anh vẫn về nhà hằng ngày. Gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao ngay lại cho anh G nên anh G đã biết chị N khởi kiện ly hôn với anh tại Tòa án và Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án giữa chị N và anh. Tuy nhiên, anh G không đến Tòa án để làm việc theo Giấy triệu tập. Quan điểm của anh trao đổi lại với bà như sau: Anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đề nghị ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tuy nhiên, anh không quan tâm đến việc giải quyết mà tùy theo

ý của chị N.

- Về con chung: Anh G và chị N có 2 con chung là Mai Đức V, sinh ngày 10/4/2007 và Mai Đức Q, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay cháu V đã thành niên và phát triển bình thường nên anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Q trước đây ở với chị N và đi học ở tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên thời gian nghỉ hè năm nay cháu Q đã về ở với anh G và bà nội cho đến nay. Nguyện vọng của anh G mong muốn được nuôi con. Hiện nay anh đi làm gần nhà, thu nhập không cao nhưng có sự hỗ trợ của bà nội để cùng anh chăm sóc con. Về phía chị N hiện nay đang đi làm ở Hà Nam nên không có thời gian để chăm sóc con. Anh không yên tâm giao con cho chị N nuôi dưỡng do cháu Q hiện cũng bị bệnh tăng động, cần sự chăm sóc sát sao nên anh xin được trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Cao Thị D cam kết nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ giao lại ngay cho anh Mai Thế G.

* *Tại phiên tòa*: Chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Mai Thế G. Về con chung: Chị N giao cháu Mai Đức Q cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Mai Thế G.

+ Về con chung: Cháu Mai Đức V, sinh ngày 10/4/2007 đã thành niên và phát triển bình thường chị N và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Mai Đức Q, sinh ngày 24/9/2015 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

+ Về tài sản chung: Chị N và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Mai Thế G có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Bùi Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

- Chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Mai Thế G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị N và anh G là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Mai Đình G dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh G. Về phía anh G, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh G vẫn vắng mặt, không có biện pháp hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung

đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh G là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh G có 2 con chung là Mai Đức V, sinh ngày 10/4/2007 và Mai Đức Q, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay cháu Việt đã thành niên và phát triển bình thường nên chị N và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Q đã về ở với anh G và bà nội tại thôn T, xã Nông Cống. Khi ly hôn chị N giao cháu Q cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của anh G xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Về điều kiện nuôi con chị N làm công nhân xa nhà nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Anh G đi làm gần nhà và có sự hỗ trợ của bà nội để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q. Bản thân cháu Q bị bệnh tăng động nên cần sự chăm sóc dạy bảo sát sao hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Q và phù hợp nguyện vọng của chị N và anh G cần giao cháu Q cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Bùi Thị N được ly hôn anh Mai Thế G.

2. Về con chung: Chị N và anh G có 2 con chung là Mai Đức V, sinh ngày 10/4/2007 và Mai Đức Q, sinh ngày 24/9/2015. Cháu Mai Đức V, sinh ngày 10/4/2007 đã thành niên và phát triển bình thường nên chị N và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Mai Đức Q, sinh ngày 24/9/2015 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời

điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Bùi Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa theo biên lai thu số 0005518 ngày 28/5/2025. Chị N còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Mai Thế G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Q, tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà